

- Tình hình hoạt động tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh hiện đang mở tại ngân hàng mình.

- Tình hình bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh.

25. Báo cáo của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối):

- Hàng quý, chậm nhất vào ngày mùng 10 của tháng đầu quý sau, báo cáo danh sách và tình hình hoạt động tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh đã đăng ký và hiện đang mở tại địa phương mình;

- Hàng quý, chậm nhất vào ngày mùng 10 của tháng đầu quý, sau báo cáo tình hình bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh của các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ tại địa phương mình;

- Hàng năm, chậm nhất vào ngày mùng 10 của tháng đầu năm sau, báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp doanh ở địa phương mình.

26. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài hợp doanh, người nước ngoài làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và dự án hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) nếu vi phạm các quy định của Thông tư này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 18-CP ngày 24-2-1997 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng và bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật.

IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

27. Thủ trưởng các Vụ, Cục, Chánh Văn phòng Thống đốc, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Đại diện của bên nước ngoài hợp doanh trong phạm vi chức

năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này.

28. Các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng và nhiệm vụ của mình phối hợp thực hiện Thông tư này.

29. Thông tư này thay thế Thông tư số 6-TT/NH7 ngày 18-9-1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

K.T. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

LÊ ĐỨC THÚY

QUYẾT ĐỊNH số 197-QĐ/NH1 ngày 28-6-1997 về việc điều chỉnh lãi suất cho vay bằng tiền Việt Nam và đô la Mỹ của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư.

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính công bố theo Lệnh số 37-LCT/HĐNN8 và Lệnh số 38-LCT/HĐNN8 ngày 24-5-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay công bố mức trần lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư như sau:

1. Mức trần lãi suất cho vay bằng tiền Việt Nam:

1.1. Cho vay ngắn hạn tối đa: 1,00%/tháng.

1.2. Cho vay trung hạn và dài hạn tối đa: 1,10%/tháng.

1.3. Tổ chức tín dụng cho vay trên địa bàn nông thôn tối đa: 1,20%/tháng, riêng Hợp tác xã tín dụng và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cho vay đối với các thành viên tối đa: 1,50%/tháng.

1.4. Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay đối với hộ nghèo: 0,80%/tháng.

1.5. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức trần lãi suất cho vay cùng loại.

2. Mức trần lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ:

2.1. Lãi suất cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn (bao gồm cả phí) tối đa: 8,50%/năm.

2.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức trần lãi suất cho vay.

3. Cho vay bằng tiền Việt Nam và đô la Mỹ đối với tổ chức kinh tế và dân cư thuộc vùng núi cao, hải đảo, vùng đồng bào Khơ me sống tập trung giảm 15% so với mức lãi suất cho vay cùng loại.

Điều 2. - Quy định việc xử lý lãi suất nợ quá hạn đối với số dư nợ vay của tổ chức kinh tế và dân cư tại tổ chức tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 1997 như sau:

1. Lãi suất nợ quá hạn bằng tiền Việt Nam tính bằng 150% mức trần lãi suất cho vay cùng loại quy định tại Quyết định số 266-QĐ/NH1 ngày 27-9-1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất cho vay bằng tiền Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư được áp dụng cho các khoản nợ quá hạn dưới đây:

1.1. Số dư các loại nợ quá hạn đến cuối ngày 30 tháng 6 năm 1997 đang áp dụng các mức lãi suất nợ quá hạn khác nhau tại các thời điểm khi cho vay trước đây.

1.2. Số dư các loại nợ đến ngày 30 tháng 6 năm 1997 bao gồm: nợ trong hạn, nợ được gia hạn trả nợ, nợ được giãn nợ nhưng được chuyển sang nợ quá hạn từ sau ngày 30 tháng 6 năm 1997.

2. Lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản cho vay bằng đô la Mỹ tính bằng 150% mức lãi suất cho vay đã ghi trên hợp đồng vay vốn được áp dụng cho các khoản nợ quá hạn dưới đây:

2.1. Số dư nợ quá hạn đến cuối ngày 30 tháng 6 năm 1997.

2.2. Số dư các loại nợ không phải là nợ quá hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 1997, bao gồm: nợ

trong hạn, nợ được gia hạn trả nợ, nợ được giãn nợ nhưng được chuyển sang nợ quá hạn từ sau ngày 30 tháng 6 năm 1997.

3. Lãi suất nợ quá hạn bằng tiền Việt Nam và đô la Mỹ đối với tổ chức kinh tế và dân cư ở vùng núi cao, hải đảo và vùng đồng bào Khơ me sống tập trung thuộc đối tượng được giảm 15% lãi suất, các loại cho vay ưu đãi, cho vay chỉ định theo quy định của Nhà nước thì lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất cho vay thực tế đã ghi trên hợp đồng vay vốn.

Điều 3. - Mức trần lãi suất cho vay quy định tại Điều 1 và lãi suất nợ quá hạn quy định tại Điều 2 của Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1997. Mức trần lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn quy định tại Quyết định số 266-QĐ/NH1 ngày 27-9-1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh trần lãi suất cho vay bằng tiền Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với các tổ chức kinh tế và dân cư, Quyết định số 181-QĐ/NH1 ngày 29-6-1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay ngoại tệ của các tổ chức tín dụng và các Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước đây trái với Quyết định này thì hết hiệu lực thi hành.

Số dư các loại nợ không phải là nợ quá hạn của tổ chức kinh tế và dân cư tại tổ chức tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 1997 chuyển sang vẫn giữ mức lãi suất ghi trên hợp đồng vay vốn.

Các khoản cho vay của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư phát sinh kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1997 thi hành theo mức trần lãi suất cho vay tại Quyết định này.

Điều 4. - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng Thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Công ty Tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Chủ nhiệm Hợp tác xã tín dụng căn cứ vào mức trần lãi suất cho vay tại Quyết định này và mức chênh lệch chỉ đạo giữa lãi suất cho vay vốn và lãi suất huy động vốn bình quân theo quy định tại Nghị quyết Quốc hội Khóa IX, kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 1996) để quy định các mức lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay cụ thể, phù hợp với thời hạn của từng loại tiền gửi, loại cho vay, đặc điểm sản xuất, kinh doanh của các loại hình tổ chức kinh tế, dân cư và điều kiện, địa bàn kinh doanh của từng tổ chức tín dụng.

Điều 5.- Chánh Văn phòng Thống đốc, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng Thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và phát triển, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Công ty Tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân,

Ngân hàng phục vụ người nghèo, Chủ nhiệm Hợp tác xã tín dụng, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
CAO SỸ KIÊM